

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CLC1-CĐ N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 132017303601 - X ấ ấ t ấ nh hu ng trong x ấ y
d ng H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ Vi T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS: 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010734	35CLC1-CĐ	Nguy n B ấ An	16/02/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
2	3571010725	35CLC1-CĐ	Nguy n B ấ Tu n Anh	03/06/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
3	3571010026	35CLC1-CĐ	Nguy n Tu n Anh	15/03/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	N HP
4	3571010385	35CLC1-CĐ	Tr n C ấ ng B ấ nh	08/06/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
5	3571010709	35CLC1-CĐ	Phan Thanh ấ c	26/09/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	N HP
6	3571010743	35CLC1-CĐ	Nguy n Ho ấ ng H ấ i	21/06/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
7	3551010048	35CLC1-CĐ	Nguy n C ấ ng H u	18/10/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	5.8	4.1	6.2	
8	3571010172	35CLC1-CĐ	Nguy n ấ c H u	05/10/1991	8.0	8.0					8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	N HP
9	3571010703	35CLC1-CĐ	Mai Xu ấ n H ấ n	29/06/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
10	3571011796	35CLC1-CĐ	L ấ m V ấ ấ H ấ u	08/08/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	N HP
11	3571011756	35CLC1-CĐ	B ấ i Tr ng H u	24/07/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	N HP
12	3571010692	35CLC1-CĐ	L ấ Ti n Khoa	13/03/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	7.3	5.1	7.2	
13	3571010036	35CLC1-CĐ	Ho ấ ng B o Long	14/08/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
14	3571010674	35CLC1-CĐ	Tr nh Duy M nh	10/03/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
15	3571010599	35CLC1-CĐ	Tr n V ấ ấ Mong	25/01/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	N HP
16	3571010198	35CLC1-CĐ	ấ o ấ Ho ấ Nhân	17/11/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	N HP
17	3571010575	35CLC1-CĐ	Ng ấ Tr ng Nhân	02/08/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
18	3571010373	35CLC1-CĐ	V ấ ấ Tr n Nh t	07/08/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	N HP
19	3571010008	35CLC1-CĐ	Nguy n Ph ấ c	06/09/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CLC1-CĐ N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 132017303601 - X ấ ấ t ấ nh hu ng trong x ấ y
d ng H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ Vi T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS: 70%	ấ I M TK	GHI CH ấ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010581	35CLC1-CĐ	Tr n Kh c	Quang	20/04/1992	9.0	9.0					9.0	2.7	6.0	4.2	6.9	
21	3571010736	35CLC1-CĐ	Tr ng L u	Quang	27/08/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	N HP
22	3571010006	35CLC1-CĐ	Nguy n Th B ấ	Rine	09/04/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
23	3571010727	35CLC1-CĐ	H Qu c	S	07/01/1992	9.0	9.0					9.0	2.7	6.5	4.6	7.3	N HP
24	3571010664	35CLC1-CĐ	ấ ng Duy	Tâm	25/02/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	N HP
25	3571010202	35CLC1-CĐ	Nguy n C nh	Tâm	06/10/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
26	3571010183	35CLC1-CĐ	ấ Thanh	Tân	08/05/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
27	3571010696	35CLC1-CĐ	Ng» V ấ Minh	Tân	08/04/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	
28	3571011827	35CLC1-CĐ	Ho ấ ng Ng c	T n	26/04/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	N HP
29	3571010706	35CLC1-CĐ	Nguy n V ấ	Ti n	01/05/1992	8.0	8.0					8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	N HP
30	3571010004	35CLC1-CĐ	Ph m Minh	Tu n	29/07/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	N HP
31	3571010720	35CLC1-CĐ	Cao V ấ	Thanh	01/05/1993	9.0	9.0					9.0	2.7	6.0	4.2	6.9	N HP
32	3571010226	35CLC1-CĐ	Nguy n ấ c	Thanh	12/02/1991	8.0	8.0					8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
33	3571010345	35CLC1-CĐ	H ấ V ấ	Th o	22/02/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	N HP
34	3571010698	35CLC1-CĐ	Nguy n V ấ	Th ng	20/11/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
35	3571011690	35CLC1-CĐ	Tr n Ti n	Th nh	26/06/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	N HP
36	3571010729	35CLC1-CĐ	Tr ng Qu c	Th nh	27/04/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	N HP
37	3571010084	35CLC1-CĐ	Nguy n V ấ	Thông	04/11/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
38	3571010732	35CLC1-CĐ	B ấ Duy	Tr ng	19/10/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	N HP

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CLC1-CĐ N h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 132017303601 - X lĩ t ậnh hu ng trong x^a y H c km : HK02
d ng

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571010204	35CLC1-CĐ	Ph m V ấ	V ấ	14/05/1993	7.0	7.0				7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	N HP
40	3571010723	35CLC1-CĐ	Y ² n V ấ	V ấ	18/07/1992	6.0	7.0				6.5	2.0	6.5	4.6	6.5	
41	3571010731	35CLC1-CĐ	H Anh	V ấ	06/08/1993	6.0	7.0				6.5	2.0	8.0	5.6	7.6	

T ng s : 41 h c sinh sinh v i² n
Tr ng Khoa Gi o V i² n B M ấ n
Tp.HCM, ngày / /
Gi o V Khoa